

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v đề xuất kế hoạch sử dụng kinh phí vốn đầu tư phát triển thực hiện Tiểu dự án “Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn” trong CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 đối với Trường Cao đẳng Y tế Bình Định

Kính gửi:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Theo đề nghị của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có Công văn số 701/TCGDNN-CTMT ngày 20/4/2022 về việc đề xuất kế hoạch sử dụng kinh phí vốn đầu tư phát triển thực hiện Tiểu dự án “Phát triển Giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn” trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; trên cơ sở đề nghị của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định tại Công văn số 191/CĐYT ngày 18/5/2022 và của Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội tại Tờ trình số 119/TTr-SLĐTBXH ngày 19/5/2022, UBND tỉnh Bình Định đề xuất kế hoạch, nội dung và kinh phí thực hiện giai đoạn 2022 - 2025 và phương án phân bổ kinh phí đầu tư phát triển của Tiểu dự án “Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn” trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đối với Trường Cao đẳng Y tế Bình Định, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí đề xuất đầu tư bổ sung trang thiết bị đào tạo cho các nghề trọng điểm từ ngân sách Trung ương hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư trong CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025: **68 tỷ đồng**, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư trong CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025: 64,6 tỷ đồng.

a) Kinh phí đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo: Đầu tư bổ sung trang thiết bị đào tạo cho 02 nghề trọng điểm là 43,3 tỷ đồng:

- Nghề Điều dưỡng Cao đẳng cấp độ Asian: 24,050 tỷ đồng.
- Nghề Dược Cao đẳng cấp độ Quốc gia: 19,250 tỷ đồng.

b) Kinh phí đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các dãy nhà học lý thuyết, học thực hành (thuộc 2 cơ sở đào tạo của nhà trường) là 21,3 tỷ đồng:

- Kinh phí đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các dãy nhà học thực hành tại số 06 Nguyễn Huệ, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là 13,9 tỷ đồng.

- Kinh phí đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các dãy nhà học lý thuyết tại số 130 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là 7,4 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn đối ứng của Nhà trường: 3,4 tỷ đồng, được sử dụng từ Quỹ phát triển sự nghiệp của Trường, dùng để chi cho các chi phí quản lý dự án, tư vấn, dự phòng và chi phí khác.

(Cụ thể kinh phí đề xuất hỗ trợ hàng năm như Phụ lục kèm theo).

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xem xét, hỗ trợ vốn đầu tư công, đầu tư đồng bộ đào tạo nghề trong CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025 đối với Trường Cao đẳng Y tế Bình Định nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban QLDAGDNN vốn CTMTQG, CTMT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TBXH, KH&ĐT, TC, Y tế;
- Trường CD Y tế Bình Định;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K15, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục

ĐỀ XUẤT KINH PHÍ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN “PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÙNG NGHÈO, VÙNG KHÓ KHĂN” TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung	Kinh phí (triệu đồng)				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đã được bố trí (nếu có) (triệu đồng)	Khả năng giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2022 của dự án (triệu đồng)	Kế hoạch NSTW hỗ trợ từ Chương trình (triệu đồng)					Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó					Cộng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
			NSTW	NSDP	Nguồn khác (nguồn đối ứng của Trường)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG CỘNG	68.000	64.600	0	3.400	0	0	64.600	21.990	21.030	13.880	7.700	
	<i>Trong đó:</i>												
	Đầu tư xây mới hạng mục công trình												
	Cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình	23.000	21.300		1.700			21.300	8.520	8.520	4.260		
	Đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo	45.000	43.300		1.700			43.300	13.470	12.510	9.620	7.700	

